

Minh Đức, ngày tháng 12 năm 2022

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

2.1. Tiêu chí Quy hoạch (Tiêu chí số 1)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
1	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã rà soát, điều chỉnh phù hợp theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch chung đô thị đã được duyệt và đảm bảo các quy định của pháp luật về quy hoạch. Việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đảm bảo theo quy định tại Mục 6 Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 10 Điều 28 Luật số 35 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.	Đạt	Đã rà soát, điều chỉnh phù hợp theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện tuy nhiên do một số nguyên nhân khách quan hiện nay xã chưa có quyết định phê duyệt quy hoạch chung của xã.	Đạt
	1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.	Có Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Mục 7 và Mục 8 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 14 Luật Kiến trúc năm 2019.	Đạt	Xã đã xây dựng Quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tuân thủ theo các quy định.	Đạt
	1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương, phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên; đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN	Đạt	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của địa phương, phù hợp với định hướng đô thị hóa	Đạt

	phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	01:2021/BXD và quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt.		theo quy hoạch cấp trên;	
--	---	--	--	--------------------------	--

2.2. Tiêu chí Giao thông (Tiêu chí số 2)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
2	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	- Có 100% đường xã được bảo trì hàng năm đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt và duy trì tuổi thọ công trình. - Có từ 80% trở lên số km đường xã qua khu dân cư tập trung có điện chiếu sáng. - Có từ 50% trở lên số km đường xã được trồng hoa hoặc cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường. - Có từ 50% trở lên số km đường xã qua khu dân cư tập trung có rãnh thoát nước kín (cống hoặc rãnh kiên cố có nắp) không để nước chảy ra mặt đường đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường. - Có 100% các điểm giao cắt giữa đường xã với quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã và các điểm giao thông nguy hiểm tiềm ẩn tai nạn giao thông bố trí đầy đủ hệ thống báo hiệu giao thông, gờ giảm tốc, đảm bảo tầm nhìn, sáng rõ phát huy tác dụng.	Đạt	+ Trên địa bàn xã hiện này 100% các tuyến đường trục xã, trục thôn trong dân cư tập trung có điện chiếu sáng. + Có 100% các điểm giao nhau cắt giữa các đường thôn, đường xã với đường tỉnh, quốc lộ và điểm giao thông nguy hiểm, tiềm ẩn tai nạn giao thông bố trí đầy đủ báo hiệu giao thông, gờ giảm tốc và phải đảm bảo tầm nhìn. + Hàng năm, công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên đường xã được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo chất lượng công trình, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt. + Có 100% số	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
					km đường trục xã, thôn qua khu dân cư tập trung được trồng cây hoa hoặc cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường. +Tổng chiều dài đường trục xã qua khu dân cư là 5,562 km. Trong đó, có khoảng 3,3 km có rãnh thoát nước 2 bên đạt 59,3%.	
	2.2. Tỷ lệ đường thôn và liên thôn	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	Có 100% số km đường thôn và liên thôn được cứng hoá và bảo trì hàng năm.		100% Đường trục thôn được cứng hoá và bảo dưỡng thường xuyên	Đạt
		Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biên báo, biên chỉ dẫn, chiều sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch -	- Có từ 80% trở lên số km đường thôn qua khu dân cư tập trung có điện chiếu sáng. - Có từ 50% trở lên số km đường thôn được trồng hoa hoặc cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường. - Có từ 50% trở lên số km đường thôn qua khu dân cư tập trung có rãnh thoát nước kín (cống hoặc rãnh kiên cố có nắp) không để nước chảy ra mặt đường đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường. - Có 100% các điểm giao cắt giữa đường thôn với quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã và các điểm giao thông nguy hiểm tiềm ẩn tai nạn giao thông được bố trí đầy đủ hệ thống báo hiệu giao thông, gờ giảm tốc, đảm bảo tầm nhìn, sáng rõ phát huy tác dụng.	Đạt	+ Trên địa bàn xã hiện này 100% các tuyến đường trục xã, trục thôn trong dân cư tập trung có điện chiếu sáng. + Có 100% các điểm giao nhau cắt giữa các đường thôn, đường xã với đường tỉnh, quốc lộ và điểm giao thông nguy hiểm, tiềm ẩn tai nạn giao thông bố trí đầy đủ báo	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
		đẹp			hiệu giao thông, gồ giảm tốc và phải đảm bảo tầm nhìn. + Hàng năm, công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên đường xã được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo chất lượng công trình, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt. + Có 100% số km đường trục xã, thôn qua khu dân cư tập trung được trồng cây hoa hoặc cây xanh đảm bảo cảnh quan môi trường. + Tổng chiều dài đường trục xã qua khu dân cư là 5,562 km. Trong đó, có khoảng 3,3 km có rãnh thoát nước 2 bên đạt 59,3%.	
	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		Có từ 95% trở lên đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	Đạt	+ Đường ngõ xóm với tổng chiều dài 14,157 km, nền đường rộng từ 2,5-3,5 m được bê tông hóa, có điện chiếu sáng đảm	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
				bảo xanh, sạch, đẹp.	
	2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	Có từ 70% trở lên số km đường trục chính nội đồng được bê tông hóa trở lên (chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m, lề đường tối thiểu 1,5m mỗi bên). Riêng với các tuyến đường sẵn có (xây dựng trước năm 2016 khi chưa được hỗ trợ xi măng xây dựng đường trục chính nội đồng) phải đảm bảo quy mô đạt 80% chiều rộng mặt đường, lề đường tối thiểu nêu trên.	Đạt	Đường trục chính nội đồng với tổng chiều dài 47,222 km, nền đường rộng từ 2,5-3,0 m được bê tông hóa	Đạt

2.3. Tiêu chí Thủy lợi và phòng chống thiên tai (Tiêu chí số 3)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
3	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Có 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	Đạt	895,49/895,49 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	Đạt
	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.	Đạt	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã đảm nhận dịch vụ tưới tiêu nước phục vụ sản xuất đảm bảo hiệu quả, bền vững.	Đạt
	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Có từ 15% trở lên diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	Đạt	100% diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	Đạt
	3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng được bảo trì hàng năm.	Đạt	Sông trục cấp III và sông dẫn kênh tiêu trạm bơm của xã là 33,22 km được nạo vét thường xuyên, không ách tắc dòng chảy, đảm bảo dẫn nước đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt
	3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Có thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.	Đạt	Có thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.	Đạt
	3.6. Đảm bảo yêu	Đảm bảo yêu cầu chủ động	Đạt	Yêu cầu chủ động về	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
	cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ được đánh giá đạt loại Khá.		phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ được đánh giá đạt loại Khá	

2.4. Tiêu chí Điện (Tiêu chí số 4)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
4	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	- Có hệ thống điện đạt chuẩn tiêu chí điện về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. - 100% các hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. - Có Kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện hàng năm.	Đạt	- Đường dây trung áp đạt chuẩn: + Hệ đường dây trung áp đạt chuẩn. + Không tồn tại các điểm vi phạm an toàn hành lang lưới điện cao thế, trung thế. - Trạm biến áp đảm bảo an toàn theo quy định. - Đường dây hạ áp đạt chuẩn: + Hệ thống đường dây hạ áp đạt chuẩn. + 100% Cột điện là bê tông cốt thép đảm bảo chất lượng đạt chuẩn, không bị vỡ, nứt, không bị nghiêng, cột được sơn chỉ rõ tên và mạch trên các vị trí cột + Không còn cột điện giữa đường hoặc gây cản trở giao thông. - Dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện: + Hệ thống dây sau công tơ đạt chuẩn. + Điện trong nhà được bố trí an toàn, có dây dẫn điện đạt chuẩn và bảng điện tổng được đặt cố định trên tường hoặc khung nhà, thuận lợi cho việc thao tác. - 100% các hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. - Có Kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện hàng	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
				năm.	

2.5. Tiêu chí Giáo dục (Tiêu chí số 5)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
5	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	Có 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	Đạt	Trường mầm non, tiểu học, đạt chuẩn mức độ 1; Trường THCS đạt chuẩn quốc gia	Chưa Đạt
	5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Đạt	Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Đạt
	5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS Mức độ 3.	Đạt	Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS Mức độ 3.	Đạt
	5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt	Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt
	5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại Khá.	Đạt	Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại Khá.	Đạt
	5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Có ít nhất 01 mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Đạt	Các trường có chương trình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Đạt

2.6. Tiêu chí Văn hóa (Tiêu chí số 6)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
6	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	a) Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã và Nhà văn hóa-Khu thể thao đạt chuẩn: - Phân đầu xây dựng Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Quy mô xây dựng, trang thiết bị, và kinh phí hoạt động theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được tu bổ, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục - thể thao của cộng đồng dân cư. b) Về lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng: Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; c) Về tổ chức các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. - Các loại hình hoạt động văn hóa - văn nghệ: Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị 1215 cuộc/năm; Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng 46 cuộc/năm; Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ từ 5 câu lạc bộ trở lên; Thư viện, phòng đọc sách, báo hoạt động tốt; Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc hoạt động tốt; Thu hút	Đạt	- Xã có nhà văn hóa trung tâm, diện tích được xây dựng trên khuôn viên cùng với nhà làm việc của Đảng ủy – HĐND – UBND là 7.482m². Trong đó diện tích sử dụng của nhà văn hóa là 576,2m² với 400 chỗ ngồi, phục vụ hoạt động văn hóa, Văn nghệ, hội họp và sinh hoạt của các câu lạc bộ toàn xã, có trang thiết bị đáp ứng các hoạt động văn hóa của xã, có công trình phụ trợ (<i>nhà để xe, khu vệ sinh</i>). Có quyết định thành lập Ban chủ nhiệm và quy chế hoạt động. + 7/7 thôn đều có nhà văn hóa, khu thể thao được khai thác, sử dụng thường xuyên đảm bảo, sử dụng và thường xuyên được chỉnh trang, tu sửa đảm bảo công trình mang tính bền vững. + 7/7 thôn trong xã đều có nhà văn hóa – khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ văn hóa. - Có 05 đội bóng chuyền hơi, 06 câu lạc bộ bóng bàn, 01	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
		nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa từ 30% trở lên/tổng số dân. - Hoạt động thể dục thể thao: Thi đấu thể thao 6 cuộc/năm; Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tối thiểu 25%/tổng số dân. - Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em: thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: Đạt 30% thời gian hoạt động. - Đối với hoạt động thư viện: Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho nhân dân: Tối thiểu đạt 3.000 lượt/năm trở lên.		cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 1 dân vũ) - Trong năm: Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị 15 cuộc/năm; Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng 6 cuộc/năm; Duy trì hoạt động thường xuyên 14 câu lạc bộ ; xã có tủ sách Tuổi trẻ hoạt động thường xuyên có hiệu quả; Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc hoạt động tốt; Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa trên 40% trở lên/tổng số dân. - Hoạt động thể dục thể thao: Thi đấu thể thao 7 cuộc/năm; Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 25%/tổng số dân. - Hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em: thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao: Đạt 30% thời gian hoạt động. - Đối với hoạt động thư viện: Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho	

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Tự đánh giá
				nhân dân: đạt hơn 3.000 lượt/năm trở lên.	
	6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Di sản văn hóa trên địa bàn xã (nếu có) được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. (Chỉ tiêu đánh giá, thực hiện đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định tại hướng dẫn số 1064/HD-BVHTTDL ngày 30/3/2022 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Quyết định 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Hải Dương).	Đạt	Xã có Chùa Đông Dương được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia	Đạt
	6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	- 100% số thôn đạt danh hiệu làng văn hóa. - Có 15% tổng số thôn được tặng giấy khen; có 15% tổng số gia đình văn hóa được tặng giấy khen gia đình văn hóa.	Đạt	- 7/7 thôn đạt danh hiệu làng văn hóa. - Có 7/7 thôn đạt trên 70% tổng số thôn được tặng giấy khen; - Có 15% tổng số gia đình văn hóa được tặng giấy khen gia đình văn hóa.	Đạt

2.7. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (Tiêu chí số 7)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả thực hiện	Đánh giá
7	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo	Đối với xã có chợ nông thôn nằm trong Quy hoạch, kế hoạch phát triển: Chợ phải hoàn thành các tiêu chí trong nội dung đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới; không phát sinh chợ cóc; Đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc đáp ứng một số tiêu chí theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại TCVN 11856:2017, cụ thể: - Về thiết kế: Trần nhà, mái che, tường, cột làm bằng vật liệu bền, không bị dột, thấm nước;	Đạt	Xã chợ nông thôn trong quy hoạch nhưng do nhu cầu thực tế chưa đầu tư xây dựng nên không xem	Không đánh giá

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả thực hiện	Đánh giá
	tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	đảm bảo bậc chịu lửa tối thiểu bậc I, II đối với chợ kiên cố và bậc III đối với chợ bán kiên cố; sàn khu vực buôn bán thực phẩm thoát nước tốt; không đọng nước và dễ làm vệ sinh. - Về bố trí, sắp xếp vị trí kinh doanh: Chợ được phân khu chức năng thành từng khu riêng biệt nhằm tránh lây chéo, được ngăn cách bởi đường đi có chiều rộng tối thiểu 1,5 m; Có biển hiệu thông báo tên các khu vực kinh doanh; niêm yết sơ đồ chỉ dẫn phân khu tại cửa chính của chợ (Khu kinh doanh thủy sản; khu kinh doanh dịch vụ ăn uống...). - Về kho, khu vực bảo quản thực phẩm (nếu có): Duy trì các yếu tố bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định và yêu cầu về bảo quản thực phẩm của nhà sản xuất; Có biện pháp, dụng cụ chống côn trùng và động vật gây hại; Sản phẩm thực phẩm tuyệt đối không được để chung với hàng hóa, hóa chất và những vật dụng khác có khả năng lây nhiễm chéo hoặc không bảo đảm an toàn thực phẩm. - Có hệ thống cấp, thoát nước đến từng hộ kinh doanh thịt; thủy hải sản tươi sống; dịch vụ ăn uống; Hệ thống thoát nước có đầy đủ hố ga, lưới chắn rác, nắp đậy ngăn mùi và thường xuyên làm vệ sinh, thông tắc. - Đối với khu bán gia cầm sống, khu giết mổ (nếu có): Khu bán gia cầm sống phải tách biệt với khu bán thực phẩm khác với khoảng cách tối thiểu là 2,4m; Khu giết mổ gia cầm tại chợ (nếu có) phải có đủ điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ. - Về an toàn phòng cháy, chữa cháy: Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở; Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở; có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định. - Có trang bị thùng chứa rác thải có nắp đậy kín tại các nơi công cộng trong chợ; Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm tại chợ.		xét đánh giá	

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả thực hiện	Đánh giá
		- Nhà vệ sinh được bố trí cách biệt với khu kinh doanh thực phẩm và được xây dựng đáp ứng điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn nhà tiêu dội nước tự hoại; có số lượng phòng vệ sinh phù hợp với quy mô chợ; phòng vệ sinh nam, nữ được bố trí riêng biệt, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ. Nhà vệ sinh được xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn 25 hộ kinh doanh/nhà vệ sinh.			

b) Phương pháp đánh giá tiêu chí:

- Đối với xã đã có chợ nông thôn nằm trong Quy hoạch, kế hoạch phát triển: đồng thời có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc đáp ứng tiêu chí theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định, không phát sinh chợ cóc.

- Đối với xã không có chợ nông thôn hoặc có chợ nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét đánh giá Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.8. Tiêu chí Thông tin và Truyền thông (Tiêu chí số 8)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
8	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Xã có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.	Đạt	Xã có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân tại trung tâm xã.	Đạt
	8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	Có từ 80% trở lên người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.	Đạt	Có từ 98% người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.	Đạt
	8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Có điểm dịch vụ báo chí, truyền thông đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm. - 100% số thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên. - 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh,	Đạt	Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm.(Bưu điện) - Hiện nay, cơ sở vật chất của đài gồm 01 tầng âm 3000w, 01 bộ	Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
		cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.		amply, 01 máy tiếp âm, 02 micro; 1 radio, toàn xã có 12 cụm loa với 30 loa, đường dây phủ sóng trên 90% diện tích trên địa bàn. - 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.	
	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế-xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	a) Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế-xã hội, đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Có từ 50% trở lên hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã. - 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. - Có từ 70% trở lên người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản. - 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sản thương mại điện tử. - 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ. b) Có ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới ở những nơi đủ điều	Đạt	a, Xã có 23 máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, nhân dân đến giao dịch. Cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND xã có máy vi tính kết nối mạng Internet băng thông rộng. Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Xã chưa có sản phẩm OCOP nên chưa thực hiện giới thiệu, quảng bá.	Chưa Đạt

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
		kiện.		Xã chưa triển khai việc thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ của hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới chưa được thực hiện	
	8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	100% các điểm công cộng của xã (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) có mạng wifi miễn phí.	Đạt	- Xã có địa điểm truy cập mạng Wifi miễn phí tại các trung tâm xã, bưu điện văn hoá xã và các điểm có camera an ninh	Đạt

2.9. Tiêu chí Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
9	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Có từ 95% trở lên số hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố, đảm bảo các yêu cầu sau: - Nhà ở có từ 2 đến 3 bộ phận (nền - móng, khung - tường, mái) đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng) theo quy định; có các công trình phụ trợ bố trí phải đảm bảo theo quy định.	Đạt	Xã có 3.993/3.993 hộ, đạt tỷ lệ 100% số hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo Bộ xây dựng. Nhà ở nông thôn đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng); diện tích ở tối thiểu đạt từ 14 m ² /người, các công trình phụ trợ được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận	

		- Diện tích ở tối thiểu đạt từ 14m ² /người trở lên; diện tích tối thiểu một căn nhà đạt từ 30m ² trở lên (hộ đơn thân tối thiểu đạt 18m ² /căn nhà).		tiện cho sinh hoạt. Đối với các hộ đơn thân, diện tích tối thiểu đạt 20 m ² /căn.	
--	--	--	--	--	--

2.10. Tiêu chí Thu nhập (Tiêu chí số 10)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
10	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Thu nhập bình quân đầu người của xã đạt được, cụ thể như sau: - Năm 2021: ≥ 60 triệu đồng/người/năm; - Năm 2022: ≥ 64 triệu đồng/người/năm; - Năm 2023: ≥ 68 triệu đồng/người/năm; - Năm 2024: ≥ 72 triệu đồng/người/năm; - Năm 2025: ≥ 76 triệu đồng/người/năm.	Đạt	Năm 2021 thu nhập bình quân đầu người của người dân đạt 57,2 triệu đồng/người/năm. Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 64 triệu đồng/người/năm	Đạt

2.11. Tiêu chí Nghèo đa chiều (Tiêu chí số 11)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
11	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025 của xã là $\leq 1,0$ % (trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động).	Đạt	Năm 2021, theo kết quả rà soát hộ nghèo, toàn xã có 21 hộ nghèo (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội) trên tổng số 3.952 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo của xã (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội) đạt 0,53%.	Đạt

2.12. Tiêu chí Lao động (Tiêu chí số 12)

a) Bảng đánh giá tiêu chí

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
12	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Có từ 85% trở lên số lao động đã qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Đạt	- Số lao động đã qua đào tạo là 6.662/7.320 người đạt 91,01%	Đạt
	12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp)	Có từ 35% trở lên số lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp)	Đạt	- Số lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là	Đạt

	dụng đạt cho cả nam và nữ)	dụng đạt cho cả nam và nữ)		4.026/7.320ng đạt 55%	
	12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Theo quy định, hướng dẫn của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.	Đạt	Theo quy định, hướng dẫn của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.	Đạt

2.13. Tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (Tiêu chí số 13)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
13	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	Có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, đáp ứng các tiêu chí sau: - Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành. - Có ít nhất 1 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu phục vụ thành viên HTX. - Được đánh giá xếp loại khá trở lên (theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)). - Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của HTX trong 3 năm liên kế trước năm xét công nhận.	Đạt	HTX DVNN , hoạt động theo Luật Hợp tác xã hiện hành, phục vụ 02 dịch vụ chính là dịch vụ tưới tiêu và dịch vụ diệt chuột	Đạt
	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Có sản phẩm OCOP được xếp hạng hoặc tương đương còn thời hạn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau: a) Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên còn thời hạn theo quyết định của UBND tỉnh hoặc quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. b) Có ít nhất 01 sản phẩm chủ lực của xã đáp ứng các điều kiện sau: - Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định. - Có hoạt động khai thác tài sản trí tuệ (Có nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng... được chấp nhận nộp đơn hợp lệ của Cục Sở hữu trí tuệ). - Có bao bì, nhãn mác theo quy định. - Có kênh phân phối ổn định và hiệu quả	Đạt	Chưa có sản phẩm OCOP	Chưa Đạt

	(tỷ trọng sản phẩm chủ lực được tiêu thụ qua kênh phân phối từ 50% trở lên/năm) trong ít nhất 02 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã NTM nâng cao.			
13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	Có ít nhất 01 mô hình kinh tế có ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.	Đạt	Chưa có	Chưa Đạt
13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm.	Đạt	Chưa có	Chưa Đạt
13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	Có từ 10% trở lên sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử (thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội).	Đạt	Các sản phẩm rau củ được quảng cáo đăng bán trên các kênh mạng xã hội (Facebook, Zalo)	Đạt
13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Có sản phẩm nông sản chủ lực của xã thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng.	Đạt	Chưa có	Chưa Đạt
13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Xã có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nếu có điểm du lịch): - Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội. - Thông tin về các điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch	Đạt	Không có	Không đánh giá

		của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.			
	13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)	Có ít nhất 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả đảm bảo các tiêu chí sau: - Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; - Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; - Giữ gìn bản sắc văn hóa; - Không gây ô nhiễm môi trường.	Đạt	Chưa có	Chưa Đạt

2.14. Tiêu chí Y tế (Tiêu chí số 14)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
14	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	Có từ 95% trở lên số người dân tham gia bảo hiểm y tế.	Đạt	Có từ 96,67% người dân tham gia bảo hiểm y tế.	Đạt
	14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Có từ 90% trở lên dân số được quản lý sức khỏe.	Đạt	Hiện nay, các bệnh nhân cao huyết áp, tiểu đường được quản lý sức khỏe. Đối tượng khác chưa áp dụng	Chưa đạt
	14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Có từ 40% trở lên người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa.	Đạt	Chưa có	Chưa đạt
	14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	Có từ 90% trở lên dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.	Đạt	Chưa có	Chưa đạt

2.15. Tiêu chí Hành chính công (Tiêu chí số 15)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
	15.1. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh. - Có từ 50% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.	Đạt	Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh là 3.055/3.055 thủ tục.	Đạt

15				Hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến là 2.136/3.055 thủ tục, đạt 69,9%.	
	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Xã có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.	Đạt	Xã có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	Đạt
	15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	1. Công khai 100% thủ tục hành chính và thông tin phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định. 2. Kịp thời đưa 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. 3. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. 4. Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết	Đạt	Công khai 100% thủ tục hành chính và thông tin phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định. Kịp thời đưa 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hạn hoặc sớm hạn; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến	Đạt

	luận là không đúng hoặc vu cáo. 5. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên. 6. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu đến năm 2025, cụ thể: - Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. - Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. - Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. - Giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. - Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng... đạt tối thiểu 85%.		nghị về hành vi, thái độ những nhiều, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công được xếp loại tốt trở lên. Việc giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	
--	---	--	---	--

		- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.			
--	--	---	--	--	--

2.16. Tiêu chí Tiếp cận pháp luật (Tiêu chí số 16)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
16	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả	Có ít nhất 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.	Đạt	07 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.	Đạt
	16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	Có từ 90% trở lên vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành.	Đạt	16/17 vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành. đạt 94,11%	Đạt
	16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	Có từ 90% trở lên người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	Đạt	100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	Đạt

2.17. Tiêu chí Môi trường (Tiêu chí số 17)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
17	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Có 100% khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Khu vực kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt
	17.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	Có từ 98% trở lên chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	100% lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt
	17.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	Có từ 50% trở lên hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.	Đạt	90% chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	Đạt

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	Có từ 50% trở lên hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	Đạt	70% hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng hố ga và có xử lý men vi sinh giúp bảo vệ môi trường.	Đạt
17.5. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	Có 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Có 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt
17.6. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	- Có từ 80% trở lên khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng/khối lượng chất thải phát sinh. - Có từ 80% trở lên hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp/tổng số hộ gia đình, trang trại.	Đạt	Các hộ gia đình chăn nuôi, trang trại đều áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp như ủ phân với men vi sinh làm phân bón cho cây trồng, sử dụng bể bioga để xử lý nước thải và chất thải còn lại.	Đạt
17.7. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	Có từ 95% trở lên cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	Đạt	100% trở lên cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	Đạt
17.8. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch đã được phê duyệt.	Đạt	Nghĩa trang được quy hoạch, cắm mốc và sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm	Đạt
17.9. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	Có từ 10% trở lên số ca tử vong trên địa bàn xã sử dụng hình thức hỏa táng.	Đạt	39/81 ca/ca tử vong đạt 48,14% ca hỏa táng	Đạt
17.10. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	Diện tích đất có trồng cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.	Đạt	Diện tích đất có trồng cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.	Đạt
17.11. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	Có từ 90% trở lên chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	Đạt	90% chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý	Đạt

	dụng, tái chế, xử lý theo quy định		theo quy định	
--	------------------------------------	--	---------------	--

2.18. Tiêu chí Chất lượng môi trường sống (Tiêu chí số 18)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
18	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Có 100% số hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	Đạt	3.993/3.993 hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	Đạt
	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình đầu người/ngày đêm	Có hệ thống cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân ≥ 80 lít/đầu người/ngày đêm.	Đạt	Có hệ thống cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân ≥ 80 lít/đầu người/ngày đêm.	Đạt
	18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Có 100% số công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	Đạt	Có 100% số công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	Đạt
	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	Có 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.	Đạt	Có 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.	Đạt
	18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.	Đạt	Không có cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.	Đạt
	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc diện cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm: đạt tỷ lệ từ 95% trở lên. - Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm: có 100% chủ cơ	Đạt	- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc diện cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm: có 100% chủ cơ sở ký cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu đảm bảo An	Đạt

		sở ký cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu đảm bảo An toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực nông lâm thủy sản.		toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực nông lâm thủy sản.	
	18.7. Tỷ lệ số hộ dân có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	Có 100% số hộ dân có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.	Đạt	Có 100% số hộ dân có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.	Đạt
	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	Có 100% số bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt	7/7 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.	Đạt

2.19. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh (Tiêu chí số 19)

a) Bảng đánh giá tiêu chí:

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu cụ thể	Mức đánh giá	Kết quả đạt được	Xã tự đánh giá
19	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Xã được đánh giá đạt chuẩn “Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân” khi đáp ứng các yêu cầu, cụ thể như sau: 1. Giữ vững các nội dung Tiêu chí 19.1 trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. 2. Tổ chức Chi bộ quân sự xã: Thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát huy tốt năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy chế, quy định của Đảng; hoàn thành tốt các tiêu chí về xây dựng tổ chức Đảng và kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. 3. Ban Chỉ huy quân sự xã: Được kiện toàn đủ về số lượng, chất lượng chính trị, trình độ chuyên môn theo quy định; có năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ	Đạt	1. Tổ chức Chi bộ quân sự xã: Thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát huy tốt năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương; thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy chế, quy định của Đảng; hoàn thành tốt các tiêu chí về xây dựng tổ chức Đảng và kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Hằng năm chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. 2. Ban Chỉ huy quân sự xã: Được kiện	Chưa đạt

	đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cấp xã; xây dựng, kiện toàn đầy đủ các kế hoạch, văn kiện của cấp xã theo đúng quy định; đơn vị luôn hoàn thành các tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao. Hằng năm được công nhận danh hiệu “Đơn vị Tiên tiến” trở lên (tối thiểu 03 năm liên, trước thời điểm đề nghị). 4. Xây dựng lực lượng Dân quân “vững mạnh, rộng khắp”. - Tổ chức, biên chế các đơn vị Dân quân bảo đảm đủ quân số, đúng độ tuổi, chất lượng chính trị theo quy định. - Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập của Dân quân theo quy định, kết quả kiểm tra đạt từ khá trở lên. - Duy trì có nền nếp, hiệu quả các chế độ và hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ ANCT-TTATXH; phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống cháy nổ, cháy rừng trên địa bàn xã theo kế hoạch và quy định của Pháp luật. - Bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách cho Dân quân theo quy định. 5. Hoàn thành tốt các tiêu chí về quốc phòng - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho đối tượng 4, giáo dục quốc phòng an ninh cho học sinh theo quy định, chất lượng đạt khá, giỏi. - Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý nam công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ bảo đảm chất lượng, đúng pháp luật, không có công dân vi phạm luật nghĩa vụ quân sự phải xử lý, truy cứu trách nhiệm hình sự. - Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật lực lượng Dự bị động viên; sẵn sàng động	toàn đủ về số lượng, chất lượng chính trị, trình độ chuyên môn theo quy định; có năng lực tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cấp xã; xây dựng, kiện toàn đầy đủ các kế hoạch, văn kiện của cấp xã theo đúng quy định; 3. Xây dựng lực lượng Dân quân “vững mạnh, rộng khắp”. - Tổ chức, biên chế đơn vị Dân quân bảo đảm đủ quân số (<i>137 thành viên</i>), đúng độ tuổi, chất lượng chính trị theo quy định. - Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập của Dân quân theo quy định, kết quả kiểm tra đạt từ khá trở lên. - Duy trì có nền nếp, hiệu quả các chế độ và hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ trong thực hiện nhiệm vụ tuần tra, bảo vệ ANCT-TTATXH; phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống cháy nổ, cháy rừng trên địa bàn xã theo kế hoạch và quy định của Pháp luật. - Bảo đảm đầy đủ chế	
--	---	--	--

	viên quân nhân dự bị đảm bảo 100% chỉ tiêu được giao; kiểm tra động viên đạt kết quả tốt. - Thực hiện tốt chế độ, chính sách, chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật; không để đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự.		độ, chính sách cho Dân quân theo quy định. 4. Các tiêu chí về quốc phòng - Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho đối tượng 4, giáo dục quốc phòng an ninh cho học sinh theo quy định. - Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý nam công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự sẵn sàng nhập ngũ; tuy nhiên vẫn tồn tại công dân vi phạm luật nghĩa vụ quân sự bị xử lý. - Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật dự bị theo quy định của Luật lực lượng Dự bị động viên; sẵn sàng động viên quân nhân dự bị đảm bảo 100% chỉ tiêu được giao; kiểm tra động viên đạt kết quả tốt. - Thực hiện tốt chế độ, chính sách, chính sách hậu phương quân đội theo quy định của pháp luật; không để đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự.	
19.2.	Xã đạt chuẩn chỉ tiêu 19.2 khi đạt		Trên địa bàn xã cơ	Đạt

Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	đầy đủ các nội dung sau: a) Hằng năm, đảng ủy xã có nghị quyết, ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. b) Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn, an ninh, trật tự”. c) Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật: - Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật. - Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo. d) Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoặc gây tai nạn (Giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của Bộ Công an (trừ trường hợp bất khả kháng). đ) Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 05% so với năm trước; tệ nạn xã	Đạt	bản luôn ổn định, không có phức tạp xảy ra. Xã nhà đã thực hiện việc lắp đặt camera an ninh do Công an xã quản lý, theo dõi qua màn hình đặt tại phòng làm việc của Công an xã và kết nối đến điện thoại smartphone của cán bộ chiến sỹ. Công an xã khảo sát các vị trí lắp đặt, liên hệ, trực tiếp đến nhà dân trao đổi cho sử dụng nhờ đường dây mạng internet và nguồn điện. Với kinh phí hỗ trợ của UBND xã, xã hội hóa các cá nhân, tổ chức và cơ quan, đến nay đã lắp đặt được 03 điểm tại trục đường giao thông, khu dân cư đông người, nơi có khả năng phức tạp về ANTT. Đồng thời tuyên truyền, vận động đến các tổ chức, cơ quan, nhà dân đã lắp đặt Camera an ninh, ngoài việc bảo vệ tại đơn vị, nhà mình thì điều chỉnh góc Camera chếch, rộng ra hướng đường đi để phối hợp, giúp đỡ cho lực lượng Công an khi cần xác minh, điều tra các vụ án có liên quan, đã được nhân dân đồng tình ủng hộ thực hiện. Các mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội;
--	--	------------	---

	hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng). e) Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. g) Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên, không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật.		bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	
--	---	--	--	--